

6. Bộ Vật tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Ngoại thương giúp đỡ, hướng dẫn các Bộ Quốc phòng, Giao thông vận tải, Tổng cục Hàng không dân dụng... các tỉnh, thành phố và các đơn vị tổ chức thu hồi kim khí phế liệu, phế thải thực hiện các nguyên tắc về quản lý vật tư, tài chính, ngoại tệ:

a) Các thiết bị, phương tiện đã hư hỏng cần thanh lý mà chưa có quyết định, thì các Bộ cần ra quyết định cho thanh lý, rồi mới thu hồi phế liệu. Kim khí phế liệu thu hồi được ưu tiên sử dụng cho nhu cầu trong nước, nếu trong nước không tận dụng được thì mới xuất khẩu. Việc xuất khẩu phế liệu kim khí và việc nhập thiết bị, nguyên liệu bằng nguồn ngoại tệ tư bản do xuất khẩu phế liệu, phế thải kim loại thu được phải tập trung thống nhất để Bộ Ngoại thương thực hiện. Các đơn vị có phế liệu, kim loại xuất khẩu được hưởng chế độ khuyến khích xuất khẩu hiện hành.

b) Hướng dẫn và giúp đỡ các Bộ Quốc phòng, Giao thông vận tải... và các đơn vị thu hồi phế thải thực hiện chế độ thu, chi tài chính; chế độ khen thưởng thỏa đáng cho cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ... Riêng đối với quốc phòng thì được miễn khoản nộp ngân sách Nhà nước (20%). Số tiền thu được về bán phế liệu kim khí Bộ Quốc phòng sử dụng vào các việc:

— Chi phí cho tháo gỡ, thu gom, chế biến, v.v... và khen thưởng cho cán bộ, chiến sĩ... từ 30% đến 50%; còn lại 50% đến 70% sẽ tính vào ngân sách quốc phòng để giảm một phần cấp phát của ngân sách Nhà nước cho quốc phòng.

— Về chi phí tổ chức thu hồi, chế biến... Bộ Quốc phòng tạm ứng trong ngân sách quốc phòng; sau khi các đơn vị bán phế thải, phế liệu... sẽ hoàn lại ngân sách của Bộ.

Các Bộ Vật tư, Tài chính và Tổng cục Thống kê, trong phạm vi nhiệm vụ, chức năng của mình có trách nhiệm tổ chức

việc theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện tổng hợp và định kỳ báo cáo kết quả với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng; phát hiện những kinh nghiệm tốt để phổ biến, những lệch lạc cần uốn nắn và kiến nghị các biện pháp cụ thể để xử lý kịp thời.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 1982

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

QUYẾT ĐỊNH số 369-CT ngày 31-12-1982 ban hành danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trọng điểm Nhà nước năm 1983.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét khả năng cân đối trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1983;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (công văn số 1383-UB/ĐTXDCB ngày 9-12-1982),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trọng điểm Nhà nước trong kế hoạch Nhà nước năm 1983⁽¹⁾.

Điều 2. — Các công trình trọng điểm Nhà nước phải được các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo và ưu tiên cân đối về lao động, vật tư, tiền vốn theo đúng quyết định số 2-CT ngày 8-1-1982 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về chế độ quản lý các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm của Nhà nước.

Điều 3. — Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội

(1) Không in danh mục cụ thể.

đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này phải được phổ biến đến chủ đầu tư và đơn vị nhận thầu xây lắp các công trình trọng điểm Nhà nước trước ngày 15 tháng 1 năm 1983.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 1982

K.T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

ĐỖ MUỘI

CÁC BỘ

BỘ LÂM NGHIỆP

THÔNG TƯ số 46-TT/HTX ngày 13-12-1982 hướng dẫn việc đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho tập thể và nhân dân trồng cây gây rừng theo quyết định số 184-HĐBT ngày 6-11-1982 của Hội đồng bộ trưởng.

Thực hiện quyết định số 184-HĐBT ngày 6-11-1982 của Hội đồng bộ trưởng về chính sách giao đất, giao rừng để tập thể và nhân dân trồng cây gây rừng, tu bổ, cải tạo và kinh doanh rừng, Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn một số vấn đề giao đất giao rừng để trồng cây, gây rừng như sau.

I. NGUYÊN TẮC GIAO ĐẤT, GIAO RỪNG ĐỂ TẬP THỂ VÀ NHÂN DÂN KINH DOANH

1. Rừng và đất rừng là tài sản của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý; Nhà nước có thể giao cho các đơn vị quốc doanh, hợp tác xã, gia đình và các đơn vị tập thể khác sử dụng kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước.

2. Việc giao rừng và đất rừng cho tập thể và nhân dân kinh doanh phải theo đúng quy hoạch phân phối đất đai và phân vùng sản xuất nông lâm nghiệp của trung ương và của từng địa phương tỉnh, thành, huyện.

3. Trên cơ sở quy hoạch phân phối đất đai được Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt, Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào tình hình rừng và đất rừng, mục đích kinh doanh, trình độ quản lý và khả năng lao động của từng nơi để xác định diện tích đất trống, đồi núi trọc và rừng nghèo có thể giao cho tập thể và nhân dân sản xuất kinh doanh. Rừng và đất rừng giao cho tập thể kinh doanh không hạn chế, khả năng làm có hiệu quả được bao nhiêu thì giao bấy nhiêu.

4. Các tập thể và gia đình phải đưa hết diện tích rừng và đất rừng đã nhận vào sản xuất kinh doanh theo đúng quy hoạch kế hoạch và pháp luật của Nhà nước. Nhất thiết không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác dẫn đến tàn phá tài nguyên rừng và đất rừng.

5. Những sản phẩm nông nghiệp trồng xen trên đất trồng rừng theo hướng nông lâm kết hợp, người gây trồng được hưởng toàn bộ. Những sản phẩm lâm nghiệp làm ra trên đất trống, đồi núi trọc và rừng nghèo kiệt, ngoài phần được sử dụng theo tỷ lệ quy định, số còn lại bán cho Nhà nước theo giá thỏa đáng (Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Lâm nghiệp sẽ có hướng dẫn cụ thể sau).

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIAO RỪNG VÀ ĐẤT RỪNG ĐỂ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Những hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các cơ quan, xí nghiệp, trường học, đơn vị vũ trang ở trung du, miền núi hoặc vùng cát, sinh lầy, ven biển, nếu tự nguyện làm đơn nhận đất, nhận rừng kinh doanh đề tự giải quyết nhu cầu gỗ củi của đơn vị mình và trồng cây gây rừng theo quy hoạch kế hoạch của Nhà nước thì được xét giao cho một số diện tích rừng và đất